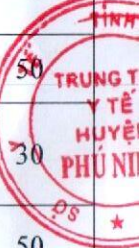




PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

(Danh mục vị thuốc cổ truyền kèm theo Thư mời báo giá số 227 /TM-TTYT ngày 09 / 10 /2023)

T T	STT UB	STT theo TT 15/2 020/ TT- BYT	STT theo TT 05/201 5/TT- BYT	Tên vị thuốc	Nguồn gốc	Bộ phận dùng	Tên khoa học của vị thuốc	Tên khoa học của cây, con và khoáng vật làm thuốc	Dạng sơ chế/Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT (06/202 3/TT- BYT)	Đơn vị tính	Số lượng
1	21	1	1	Bạch chỉ	Nam	Rễ	Radix Angelicae dahuricae	Angelica dahurica Benth. Et Hook.f.-Apiaceae	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	20
2	29	273	236	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Bắc	Thể nấm	Poria	Poria cocos (Schw.) Wolf – Polyporaceae	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	50
3	37	340	295	Bạch thược (Rễ)	Bắc	Rễ	Radix Paeoniae lactiflorae	Paeonia lactiflora Pall. – Ranunculaceae	Sao	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	50
4	43	358	328	Bạch truật	Bắc	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Atractylodes macrocephala Koidz. – Asteraceae	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	30
5	61	360	329	Cam thảo	Bắc	Rễ	Radix Glycyrrhizae	Glycyrrhiza spp. – Fabaceae	Chích mật	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	50
6	128	367	331	Đảng sâm	Bắc	Rễ	Radix Codonopsis	Codonopsis spp. – Campanulaceae	Chích gừng	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	50
7	159	370	319	Đỗ trọng	Bắc	Vỏ thân	Cortex Eucommiae	Eucommia ulmoides Oliv. – Eucommiaceae	Chích muối ăn	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	40
8	166	31	37	Độc hoạt	Bắc	Rễ	Radix Angelicae pubescentis	Angelica pubescens Maxim. – Apiaceae	Phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	40
9	168	240	296	Đương quy (Toàn quy)	Bắc	Rễ	Radix Angelicae sinensis	A. ngeiica sinensis (Oliv.) Diels – Apiaceae	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	50
10	205	373	334	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Bắc	Rễ	Radix Astragali membranacei	Astragalus membranaceus (Fisch.) Bunge – Fabaceae	Chích mật ong	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	30
11	247	247	218	Khương hoàng	Nam	Thân rễ	Rhizoma Curcumae longae	Curcuma longa L. - Zingiberaceae	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	20
12	249	35	41	Khương hoạt	Bắc	Thân rễ	Rhizoma et Radix Notopterygii	Notopterygium incisum Ting ex H. T. Chang – Apiaceae	Phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	30



13	315	251	221	Ngưu tất	Bắc	Rễ	Radix Achyranthis bidentatae	Achyranthes bidentata Blume. – Amaranthaceae	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	40
14	335	6	47	Phòng phong	Bắc	Rễ	Radix Saposhnikoviae divaricatae	Saposhnikovia divaricata (Turcz.) Schischk.- Apiaceae	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	40
15	345	7	6	Quế chi	Nam	Cành	Ramulus Cinnamomi	Cinnamomum sp. – Lauraceae	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	40
16	376	149	50	Tang ký sinh	Nam	Toàn thân	Herba Loranthi gracilifolii	Loranthus gracilifolius Schult. – Loranthaceae	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	40
17	370	45	53	Tần giao	Bắc	Rễ	Radix Gentianae macrophyllae	Genliana macrophylla Pall. – Gentianaceae	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	40
18	388	10	9	Tế tân	Bắc	Rễ và Thân rễ	Radix et Rhizoma Asari	Asarum helerotropoides Kitag. – Aristolochiaceae	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	30
19	433	355	301	Thục địa	Nam	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rehmannia glutinosa (Gaertn.) Libosch. – Scrophulariaceae	Chế biến với Rượu, Gừng	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	30
20	516	261	226	Xuyên khung	Bắc	Thân rễ	Rhizoma Ligustici wallichii	Ligusticum wallichii Franch. – Apiaceae	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Nhóm 2	Kg	50
				Tổng cộng: 20 mặt hàng									

30
AM
50
VH
WVN